

Họ và tên:

Lớp:

BÀI ÔN TẬP CUỐI TUẦN 28

Đề 1

* Phần 1. Bài tập trắc nghiệm:

1. Đúng ghi Đ; sai ghi S:

a) $3 : 3 + 0 = 0$ ☐

b) $0 \times 4 : 4 = 1$ ☐

b) $3 : 3 + 0 = 1$ ☐

d) $0 \times 4 : 4 = 0$ ☐

2. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) $20 \times 3 = 6$ ☐

b) $80 : 2 = 4$ ☐

b) $20 \times 3 = 60$ ☐

d) $80 : 2 = 40$ ☐

3. Nối các phép tính có kết quả bằng nhau:

20×2

$40 : 2$

$80 : 2$

20×1

$40 : 1$

$60 : 2$

$30 : 1$

30×1

$20 : 1$

4. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Các số tròn trăm có ba chữ số được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

a) 100 ; 200 ; 300 ; 400 ; 600 ; 500 ; 700 ; 800 ; 900 ☐

b) 100 ; 200 ; 300 ; 400 ; 500 ; 600 ; 700 ; 800 ; 900 ☐

5. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Các số tròn chục có ba chữ số được xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

a) 190 ; 180 ; 170 ; 160 ; 150 ; 140 ; 130 ; 120 ; 110 ; 100 ☐

b) 190 ; 180 ; 170 ; 160 ; 150 ; 140 ; 130 ; 120 ; 100 ; 110 ☐

6. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Các số sau đây được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn:

a) 345 ; 453 ; 534 ; 543 ; 435 ; 354 ☐

b) 345 ; 354 ; 435 ; 453 ; 534 ; 543 ☐

7. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 10 chục bé hơn 1 trăm ☐

b) 10 chục bằng 1 trăm ☐

c) 10 chục lớn hơn 1 trăm ☐

8. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Một người nuôi 90 con vịt. Hỏi người đó cần mua thêm bao nhiêu con vịt để có đủ 100 con vịt?

a) 1 chục con vịt ☐

b) 10 chục con vịt ☐

Phần 2. Học sinh trình bày bài làm:

1. Tìm x:

a) $x \times 2 = 12$

.....

.....

c) $x : 3 = 5$

.....

.....

b) $3 \times x = 12$

.....

.....

d) $x : 7 = 3$

.....

.....

2. Tính:

a) $5 \times 4 + 3 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$

b) $12 : 3 \times 4 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$

c) $5 \times 3 + 4 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$

d) $12 : 4 \times 3 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$

3. Có 15 kg lạc chia đều vào 5 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam lạc?

Bài giải

.....

.....

.....

4. Người bán hàng đổ lạc vào các túi ,mỗi túi 3 kg lạc. Hỏi có 15 kg lạc thì đổ được vào bao nhiêu túi như thế?

Bài giải

.....

.....

.....

5. Hãy viết theo thứ tự từ bé đến lớn:

a) Các số tròn trăm có 3 chữ số:

.....

b) Các số có 3 chữ số giống nhau:

.....

6. Hãy viết:

a) Số bé nhất có ba chữ số: ...

b) Số lớn nhất có ba chữ số: ...

7. Hãy viết các số có ba chữ số khác nhau là 0 ; 1 ; 2 rồi ghi cách đọc số.

Viết số	Trăm	Chục	Đơn vị	Đọc số

Viết các số ở bảng trên theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn :

b) Từ lớn đến bé: